

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TRONG DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Nguyễn Thị Tịnh - Trường Trung học cơ sở Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Ngày nhận bài: 20/6/2019; ngày chỉnh sửa: 28/6/2019; ngày duyệt đăng: 29/7/2019.

Abstract: Teaching Literature through experiential activities makes students interested in the subject, helping them discover, feel and enjoy the interesting, beauty of literary works to develop them whole soul and wisdom. However, the reality of teaching Literature in schools in recent years is very academic, separating literature from life, not bringing excitement to learners. In the article, we analyze the current status of managing experiential activities in teaching Literature at secondary schools in Vung Tau city, Ba Ria - Vung Tau Province. It is the basis for studying and proposing feasible management measures to improve the effectiveness of this work in the area.

Keywords: Management, experiential activity, teaching Literature, secondary school.

1. Mở đầu

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) là hoạt động giáo dục được thực hiện từ lớp 1 đến lớp 12. HĐTN ở các trường trung học cơ sở (THCS) nói chung và HĐTN trong dạy học (DH) môn Ngữ văn nói riêng dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú: hoạt động khám phá hình thành tri thức, kĩ năng mới; hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động gắn với rèn luyện đạo đức, kĩ năng sống hàng ngày của học sinh (HS). Thông qua các HĐTN, nhà trường và giáo viên (GV) hình thành cho HS tri thức, kĩ năng mới hoặc củng cố, phát triển kiến thức đã được lĩnh hội để nâng cao kiến thức, phát triển năng lực hành động. Cùng với DH trên lớp, HĐTN trong DH góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Song, thực tế những năm gần đây, việc đổi mới phương pháp DH ở các trường THCS thường mới tập trung vào giờ DH truyền thụ kiến thức trên lớp, còn hình thức trải nghiệm thì ít được chú trọng. Ở địa bàn TP. Vũng Tàu, công tác quản lý HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS hiện nay còn nhiều hạn chế, chưa được sự quan tâm sát sao của các nhà quản lí; nhận thức về HĐTN trong DH môn Ngữ văn còn nhiều bất cập ở cả cán bộ quản lí (CBQL) và GV bộ môn. Vì chưa phân biệt được đặc thù của HĐTN trong DH môn Ngữ văn nên hoạt động này thường giao cho Đoàn Thanh niên tổ chức thông qua hình thức sân chơi; giao cho Tổ chuyên môn Ngữ văn thông qua sinh hoạt chuyên đề bồi dưỡng kiến thức môn Ngữ văn, tham quan dã ngoại và coi đó là hoạt động ngoại khoá môn Ngữ văn. Chính vì vậy, việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá HĐTN trong DH môn Ngữ văn còn chưa được quan tâm đúng mức, dẫn tới việc chưa củng cố, nâng cao mở rộng và bổ sung kiến thức cho các môn học cho HS, hiệu quả chưa cao.

Bài viết phân tích thực trạng công tác quản lí HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, là cơ sở để nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lí khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác này trên địa bàn tỉnh.

2. Nội dung nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 01/2019 đến tháng 05/2019 tại 16 trường THCS ở TP. Vũng Tàu: Trường THCS Vũng Tàu; Nguyễn An Ninh, Châu Thành, Trần Phú, Huỳnh Khương Ninh, Nguyễn Văn Linh, Võ Trường Toản, Thắng Nhì, Võ Văn Kiệt, Thắng Nhất, Nguyễn Thái Bình, Duy Tân, Phước Thắng, Nguyễn Gia Thiều, Bạch Đằng, Ngô Sĩ Liên.

Để đánh giá thực trạng quản lí HĐTN trong DH môn Ngữ văn, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là chủ yếu. Thiết kế bảng hỏi gồm 43 items, chia thành các nội dung cơ bản của công tác quản lí HĐTN trong DH môn Ngữ văn gồm: “quản lí nội dung HĐTN”; “quản lí phương pháp, hình thức HĐTN”; “quản lí việc dạy HĐTN”; “quản lí việc học HĐTN”; “quản lí lực lượng tham gia tổ chức HĐTN”. Mỗi nội dung được khảo sát về mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả, kết quả lựa chọn được tính điểm theo 5 mức tương ứng mức độ thực hiện: 1 = Không bao giờ; 2 = Hiếm khi; 3 = thỉnh thoảng; 4 = Thường xuyên; 5 = Rất thường xuyên; mức độ hiệu quả: 1 = Không hiệu quả; 2 = Ít hiệu quả; 3 = Bình thường; 4 = Khá hiệu quả; 5 = Rất hiệu quả.

Khảo sát được thực hiện trên 110 CBQL, GV và 400 HS. Kết quả khảo sát được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. Chỉ số Cronbach alpha của thang đo bảng hỏi HĐTN trong dạy môn Ngữ văn ở HS là 0,86; thang đo quản lí HĐTN trong dạy Ngữ văn ở CBQL và GV là 0,90. Điều này cho thấy bộ công cụ sử

dụng trong nghiên cứu có độ tin cậy cao, đảm bảo sự chính xác cho các kết quả thu được.

2.1. Quản lý nội dung hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn ở trường trung học

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung các trường đều quản lý nội dung HĐTN trong DH môn Ngữ văn, đạt từ 54,4% đến 71,8% ở mức thường xuyên thực hiện và đạt 56,3% đến 70% mức độ khá hiệu quả. Phần lớn các trường đều quản lý nội dung tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn, trong đó yêu cầu GV và tổ trưởng chuyên môn thực hiện nội dung lập kế hoạch, lập chương trình theo học kì về HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS, các trường THCS đều trên 71,8% đánh giá ở mức độ thực hiện thường xuyên và việc quản lý dự giờ, góp ý về nội dung HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS được đánh giá ở mức khá hiệu quả với 70%. CBQL và GV chủ nhiệm đều cho rằng, đây là hai nội dung cơ bản và cấp thiết cho việc quản lý các HĐTN trong DH môn Ngữ văn tổ chức trong nhà trường (bảng 1).

Với nội dung “Yêu cầu GV và tổ trưởng chuyên môn lập kế hoạch theo học kì” về HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS được đánh giá ở mức khá hiệu quả với 68,2% và nội dung “Tạo điều kiện để GV thực hiện nhiều nội dung HĐTN” cũng nhận được ý kiến trên 67,2% đồng tình rằng công tác quản lý tại các trường đều đạt mức độ khá hiệu quả. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số ý kiến cho rằng việc quản lý còn yếu, chưa phát huy được hết năng lực của HS cũng như nâng cao các phương pháp nghiên cứu học tập cho HS tiếp cận và phát triển thành các kĩ năng cấp thiết trong cuộc sống, nhất là các kĩ năng quản lý thời gian hiệu quả, kĩ năng hợp tác và chia sẻ. Trong thực tế, HS chưa có nhiều cơ hội tham gia các HĐTN nên các kĩ năng cũng chưa được thuần thục là hoàn toàn đúng. Chính vì thế, việc tích cực đưa các hoạt động này vào hoạt động giáo dục thường xuyên của nhà trường là rất cần thiết.

2.2. Quản lý phương pháp, hình thức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn (bảng 2)

Bảng 1. Quản lý nội dung HĐTN trong DH môn Ngữ văn

Nội dung	Mức độ thực hiện (%)					Mức độ hiệu quả (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1. Yêu cầu GV và tổ trưởng chuyên môn lập kế hoạch theo học kì	2,72	4,54	19,1	71,8	1,8	0,9	4,54	20,9	68,2	5,5
2. Định hướng GV lựa chọn nội dung các HĐTN	0,0	6,36	25,5	61	7,3	0,0	8,2	22,7	63,6	5,5
3. Yêu cầu GV thực hiện các nội dung HĐTN	0,0	0,9	6,36	64,5	28,2	0,0	1,81	4,54	61,0	31,8
4. Tạo điều kiện để GV thực hiện nhiều nội dung HĐTN	0,0	2,72	9,1	65,5	22,7	0,0	4,54	7,27	67,2	20,9
5. Tổ chức cho GV thảo luận về nội dung HĐTN	3,63	7,3	19,0	54,5	15,4	5,45	8,2	16,4	56,3	13,6
6. Dự giờ, góp ý về nội dung HĐTN	0,0	2,72	10,0	68,1	19	0,0	0,9	6,36	70	22,7
7. Khuyến khích GV cập nhật nội dung HĐTN	0,0	4,54	8,2	60,9	26,3	0,0	3,63	8,2	64,5	23,6
8. Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện và kết quả HĐTN	1,81	10,0	16,4	62,7	9,1	4,54	2,7	10,9	59,0	12,7

Bảng 2. Quản lý phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn

Hình thức, phương pháp	Mức độ thực hiện (%)					Mức độ hiệu quả (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1. Tổ chức hình thức HĐTN phù hợp với đặc điểm của nhà trường	0,0	0,0	2,7	25,4	71,8	0,0	0,9	6,36	15,4	77,2
2. Bồi dưỡng cho GV về phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN	0,0	1,81	10	20,0	68,1	0,0	1,81	8,2	17,2	72,7
3. Tổ chức dự giờ và trao đổi rút kinh nghiệm về phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN	0,0	2,72	10,0	24,5	62,7	0,0	5,5	7,3	20,9	66,3

4. Động viên, hỗ trợ GV phối hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN	0,0	1,81	53,6	35,4	9,09	0,0	1,81	54,5	37,2	6,36
5. Khuyến khích GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN	0,0	1,81	59,0	30,0	9,1	0,0	2,72	55,4	28,1	13,6

Kết quả khảo sát ở *bảng 2* cho thấy, các trường đều thực hiện công tác quản lý hình thức HĐTN trong DH môn Ngữ văn dựa theo những nội dung quản lý cơ bản. Ở chức năng lập kế hoạch, các trường đều đã xây dựng chương trình tổ chức hình thức HĐTN trong DH môn Ngữ văn phù hợp với đặc điểm của nhà trường, cụ thể kết quả từ bảng khảo sát cho thấy tỉ lệ đánh giá mức độ quản lý việc thực hiện được CBQL và GV đánh giá rất thường xuyên đạt 71,8%, ở mức thường xuyên chiếm tỉ lệ 25,4% và 77% ở mức hiệu quả. Ngoài ra, công tác quản lý nội dung bồi dưỡng cho GV về phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS và Tổ chức dự giờ và trao đổi rút kinh nghiệm về phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở THCS cũng được các nhà trường chú trọng, đạt từ 62,7%-68,1% ở mức thường xuyên thực hiện và đạt từ 66,3%-72,7% ở mức độ khá hiệu quả. Điều này cho thấy, các trường đều đã thực hiện tốt và đạt hiệu quả khá cao trong công tác xây dựng kế hoạch, bồi dưỡng GV về phương pháp và hình thức, tổ chức dự giờ và trao đổi rút kinh nghiệm về HĐTN trong DH môn Ngữ văn phù hợp với điều kiện nhà trường, tạo sự đam mê, yêu thích môn học, tạo sự gắn bó giữa GV và HS, HS với HS sau những giờ học căng thẳng trên lớp. Theo đặc thù địa bàn thành phố, Trường THCS Thăng Nhất và Trường THCS Thăng Nhì có khuôn viên rất hẹp cũng ảnh hưởng đến HĐTN trong DH môn Ngữ văn nói riêng và các HĐTN khác nói chung.

Công tác động viên, hỗ trợ GV phối hợp linh hoạt các phương pháp và hình thức và chỉ đạo và khuyến khích GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS cũng được quan tâm, song với tỉ lệ chỉ đạt từ 53,6% đến 59% ở mức

thỉnh thoảng thực hiện và đạt 54,5% đến 55,4 % mức độ hiệu quả bình thường. Tuy tỉ lệ phần trăm mức độ quản lý ở mức thỉnh thoảng và bình thường nhưng trên thực tế, một số nhà trường đã bước đầu quan tâm khuyến khích, động viên GV phối hợp linh hoạt các hình thức, phương pháp HĐTN trong DH môn Ngữ văn.

2.3. Quản lý hoạt động dạy thông qua hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn

Quản lý việc dạy HĐTN trong DH môn Ngữ văn dựa trên nhiều nội dung; trong đó, việc chọn chủ đề, thiết kế cho HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đòi hỏi phải phù hợp và khả năng thực hiện đạt hiệu quả. Chính vì thế, nhà quản lý phải nắm bắt được các nguồn lực chi phối đến kết quả của hoạt động. Trong quá trình thực hiện hoạt động thì việc tham dự HĐTN trong DH môn Ngữ văn của GV cùng với tổ trưởng chuyên môn và Ban Giám hiệu nhà trường là hết sức cần thiết để GV rút kinh nghiệm, CBQL kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hoạt động, tránh việc tổ chức mang tính hình thức, nội dung hoạt động sơ sài. Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn kí duyệt, kiểm tra GV Ngữ văn trong công tác chuẩn bị, tổ chức, hướng dẫn, chuyển giao nhiệm vụ cho HS khi tham gia HĐTN trong DH môn Ngữ văn là rất quan trọng, nếu công việc này không được quản lý tốt thì hiệu quả sẽ không cao.

Để đánh giá kết quả hoạt động của GV trong HĐTN trong DH môn Ngữ văn là một vấn đề cần thiết, sát với yêu cầu thực tế, đòi hỏi các nhà quản lý phải luôn chú trọng để có những nhận xét, đóng góp và định hướng trước nhu cầu thực tế mà hoạt động mang lại. Kết quả khảo sát về quản lý việc dạy HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, chúng tôi thu được kết quả như sau (*bảng 3*):

Bảng 3. Quản lý hoạt động dạy thông qua HĐTN trong DH môn Ngữ văn

Quản lý hoạt động dạy	Mức độ thực hiện (%)					Mức độ hiệu quả (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1. Việc chọn chủ đề, thiết kế cho HĐTN	1,81	13,6	29,0	55,4	0,0	3,6	10,0	25,4	60,9	0,0
2. Tham dự HĐTN trong DH môn Ngữ văn của GV cùng với tổ trưởng chuyên môn và Ban Giám hiệu nhà trường	2,72	8,2	36,3	52,7	0,0	1,81	2,72	38,1	57,2	0,0

3. Phê duyệt, kiểm tra GV trong công tác chuẩn bị, tổ chức, hướng dẫn, chuyển giao nhiệm vụ cho HS khi tham gia HĐTN	4,54	31,8	53,6	10,0	0,0	2,72	33,6	50	13,6	0,0
4. Đánh giá kết quả hoạt động của GV trong hoạt động dạy trải nghiệm môn Ngữ văn	3,63	56,3	31,8	8,2	0,0	5,5	53,6	30	10,9	0,0
5. Chỉ đạo GV tăng cường rèn luyện kỹ năng học tập tích cực cho HS ở các trường THCS	3,63	16,3	62,7	17,2	0,0	6,36	13,6	57,2	22,7	0,0
6. Chỉ đạo GV tổ chức tốt HĐTN môn Ngữ văn theo mục tiêu bài học ở các trường THCS	7,3	7,3	22,7	62,7	0,0	8,18	4,54	20,9	66,3	0,0
7. Tổ chức thao giảng HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS	1,81	19	64,5	14,5	0,0	2,72	21,8	62,7	18,1	0,0

Đánh giá mức độ ở các biện pháp: chọn chủ đề, thiết kế; việc tham dự HĐTN trong DH môn Ngữ văn của GV cùng với tổ trưởng chuyên môn và Ban Giám hiệu nhà trường và Chỉ đạo cho GV tổ chức tốt HĐTN môn Ngữ văn theo mục tiêu bài học ở các trường THCS đều ở mức độ thực hiện rất thường xuyên, đạt từ 52,7%-55,4% và 57,2%-66,3% ở mức độ rất hiệu quả. Điều đó chứng tỏ, CBQL và GV rất chú trọng hai hoạt động này vì đây là hai nội dung quan trọng trong việc dạy HĐTN môn Ngữ văn.

Về kết quả thực hiện của việc quản lý ở các biện pháp “Chỉ đạo Tổ chuyên môn kiểm tra, phê duyệt, kiểm tra GV Ngữ văn trong công tác chuẩn bị”, “Tổ chức, hướng dẫn, chuyển giao nhiệm vụ cho HS khi tham gia”; “Chỉ đạo GV tăng

cường rèn luyện kỹ năng học tập tích cực cho HS ở các trường THCS” và “Tổ chức thao giảng HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS chỉ đạt ở mức độ thực hiện thường xuyên đạt từ 53,6%-64,5% và 50%-62,7% mức độ hiệu quả. Riêng biện pháp “Đánh giá kết quả hoạt động của GV Ngữ văn trong hoạt động dạy trải nghiệm môn Ngữ văn” thì CBQL và GV chỉ đánh giá mức độ hiếm khi tổ chức đánh giá với tỉ lệ 56,3% và 53,6% mức độ hiệu quả ở mức trung bình. Xét về góc độ quản lý, chúng tôi thấy việc đánh giá kết quả chưa được sâu sát, còn mang tính hình thức.

2.4. Quản lý hoạt động học thông qua hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn

Bảng 4. Quản lý hoạt động học thông qua HĐTN trong DH môn Ngữ văn

Quản lý hoạt động học	Mức độ thực hiện (%)					Mức độ hiệu quả (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1. Thực hiện nội quy học trải nghiệm môn Ngữ văn	0,0	3,63	31,8	50,9	13,6	0,0	1,81	30,9	58,1	9,09
2. Khuyến khích, động viên HS tích cực tham gia học trải nghiệm môn Ngữ văn	1,81	5,5	31,8	37,2	17,2	2,72	6,36	38,1	43,6	11,8
3. Sự phù hợp về nội dung, phương pháp, hình thức học trải nghiệm môn Ngữ văn với lứa tuổi HS	0,0	3,63	19,0	64,5	12,7	0,0	2,72	15,5	62,7	19,0
4. Hình thành được các năng lực cho HS	0,0	2,72	10,0	61,8	25,4	0,0	1,81	13,6	64,5	20,0
5. Khen thưởng kịp thời những HS tích cực tham gia học trải nghiệm môn Ngữ văn	1,81	10,0	16,4	62,7	9,1	1,81	0,0	28,1	51,8	10,0

Kết quả khảo sát ở *bảng 4* cho thấy, việc đánh giá mức độ ở các biện pháp: “Thực hiện nội quy học; sự phù hợp về nội dung, phương pháp, hình thức học”; “Hình thành được các năng lực cho HS”; “Khen thưởng kịp thời những HS tích cực khi tham gia học trải nghiệm môn Ngữ văn ở các trường THCS” đều ở mức độ thực hiện thường xuyên, đạt từ 50,9%-64,5% và 51,8%-64,5% mức độ hiệu quả. Như vậy, CBQL và GV đã thực hiện và hiệu quả các biện pháp này với số lượng ở mức độ trung bình. Chính vì thế, các nhà trường cần chú ý hơn nữa đến vấn đề quản lý trên để đạt kết quả như mong muốn.

Về kết quả thực hiện của việc quản lý ở biện pháp “Khích lệ, động viên HS tích cực tham gia học trải nghiệm môn Ngữ văn ở các trường THCS”, ở mức độ thực hiện thường xuyên chỉ đạt 37,2% và 43,6% ở mức độ khá hiệu quả. Điều đó chứng tỏ biện pháp này thực hiện chưa thường xuyên nên hiệu quả đạt được cũng ở mức thấp. Từ đó, có thể thấy, CBQL và GV cần phải tăng cường thực hiện biện pháp này bởi việc động viên, khích lệ sẽ giúp HS tích cực tham gia học trải nghiệm môn Ngữ văn và kết quả học hoạt động này cũng sẽ được nâng lên.

2.5. Quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Ngữ văn

quản lý ở mức độ thực hiện thường xuyên đạt từ 51,8%-55,5%; mức độ khá hiệu quả đạt từ 40,9%-50%. Tuy nhiên, vẫn còn ý kiến trái chiều đánh giá công tác quản lý ở biện pháp 2 và biện pháp 3 còn ở mức độ hiếm khi và ít hiệu quả với tỉ lệ 8,2% và 10,9%. Dù rằng tỉ lệ đánh giá chưa tốt nhưng nhìn chung, các trường THCS đã thực hiện khá tốt công tác phối hợp giữa nhà trường với các lực lượng Đoàn thể, chính quyền trong và ngoài nhà trường trong công tác quản lý HĐTN trong DH môn Ngữ văn.

3. Kết luận

Công tác quản lý HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện nay đã thu được những kết quả đáng khích lệ, song vẫn tồn tại hạn những chế nhất định do các nguyên nhân chủ quan và khách quan như: Nhận thức của CBQL, GV và các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS chưa đúng mức và đồng bộ, kế hoạch xây dựng HĐTN trong DH môn Ngữ văn còn chưa tốt; phương pháp, biện pháp tổ chức, quản lý HĐTN trong DH môn Ngữ văn còn chậm đổi mới, nội dung hình thức nghèo nàn, kém hấp dẫn; GV và HS còn thụ động; công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng kĩ năng nghiệp vụ còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá chưa thường xuyên, kịp thời; cơ sở vật

Bảng 5. quản lý các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn

Quản lý các lực lượng	Mức độ thực hiện (%)					Mức độ hiệu quả (%)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
1. Xác định các lực lượng (CBQL nhà trường, GV phụ huynh...) tham gia tổ chức HĐTN	0,0	0,0	19,0	70,9	13,6	0,0	0,0	12,7	70,0	17,2
2. Xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức HĐTN	0,0	10,0	26,3	51,8	11,8	0,0	10,9	34,5	40,9	13,6
3. Xác định mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ, hợp tác giữa các bộ phận, thành viên trong tổ chức HĐTN	0,0	8,2	28,2	55,5	8,2	0,0	8,2	31,8	50,0	10,0

Có thể thấy, 70,9% số CBQL và GV đánh giá mức độ tham gia thường xuyên của các lực lượng (CBQL nhà trường, GV, phụ huynh...) tham gia tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS và 70% đánh giá mức độ khá hiệu quả. Điều này thể hiện rõ sự quan tâm sâu sát của CBQL nhà trường trong việc nhận thức tầm quan trọng của việc tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn. Trong khi đó, việc xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS và xác định mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ, hợp tác giữa các bộ phận, thành viên trong tổ chức hoạt động này ở các trường THCS đều được CBQL và GV nhận xét rằng

chất, thiết bị kĩ thuật, tài chính, phương tiện, cơ chế chính sách còn bất cập... Do vậy, để nâng cao hiệu quả HĐTN trong DH môn Ngữ văn ở các trường THCS trên địa bàn, cần thực hiện một cách đồng bộ các nội dung như: Tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của HĐTN trong DH môn Ngữ văn; Chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch HĐTN trong DH môn Ngữ văn; Bồi dưỡng kĩ năng tổ chức HĐTN cho GV Ngữ văn; Đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN; Tổ chức trao đổi kinh nghiệm tổ chức và quản lý HĐTN; Xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc tổ chức các HĐTN trong DH môn Ngữ văn cho HS.

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục*, luật số 38/2005/QH11.
- [2] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- [3] Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông - Môn Ngữ văn* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- [4] Bộ GD-ĐT (2015). *Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường phổ thông*. Tài liệu tập huấn.
- [5] Trương Xuân Cảnh (2016). *Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trung học cơ sở*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6] Trương Duy Hải (2017). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Trần Kiểm (2011). *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lí giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Trần Thị Bích Liễu (2013). *Giáo dục phát triển năng lực sáng tạo*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [9] Nguyễn Thị Liên (2017). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [10] Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2018). *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trung học cơ sở qua tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn*. Tạp chí Giáo dục, số 437, tr 28-32; 22.
- [6] Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020*.
- [7] Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”*.
- [8] Thủ tướng Chính phủ (2016). *Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020*.
- [9] Thủ tướng Chính phủ (2009). *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 phê duyệt đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009-2020*.
- [10] Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2010). *Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 16/7/2010 phê duyệt chương trình giải quyết việc làm giai đoạn 2011-2015*.
- [11] Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2018). *Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 12/02/2018 về giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018*.
- [12] Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2019). *Kế hoạch số 32/KH-UBND, ngày 25/01/2019 về việc giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019*.
- [13] Nguyễn Sinh Cúc (1999). *Giải pháp tạo việc làm ở nông thôn thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa*. Tạp chí Thông tin lí luận, số 7, tr 28-32.
- [14] Phan Sĩ Mẫn (1997). *Giải quyết việc làm ở nông thôn giai đoạn hiện nay*. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 225, tr 21-23.
- [15] Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội (2018). *Báo cáo số 2002/BC-SLĐTBXH ngày 12/7/2018 về kết quả 6 tháng đầu năm 2018 về giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn thành phố Hà Nội và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2018*.
- [16] Thủ tướng Chính phủ (2010). *Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020*.
- [17] Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh (2017). *Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 17/5/2017 về việc thực hiện phong trào thi đua “Toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới” huyện Đông Anh giai đoạn 2016-2020*.

MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG...

(Tiếp theo trang 54)

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Quốc hội (2013). *Luật Việc làm*. Luật số 38/2013/QH13, ngày 16/11/2013.
- [3] Chính phủ (2013). *Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm*.
- [4] Chính phủ (2015). *Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm*.
- [5] Chính phủ (2015). *Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật việc làm về bảo hiểm thất nghiệp*.